

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRỪNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HS-ST

Ngày 06 - 6 - 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỪNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Hoài

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phương Văn Tư

Bà Nông Thị Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Noọng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Lương Văn Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 42/2023/TLST-HS ngày 18/5/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2023/QĐXXST-HS ngày 24/5/2023 đối với bị cáo: Nông Văn T, sinh ngày 29 tháng 01 năm 1999 tại xã CT, huyện TK, tỉnh CB; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Đ - P, xã CT, huyện TK, tỉnh CB; Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nông Văn P và bà Hoàng Thị H điều sinh năm 1978; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án, ngày 23/8/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, ngày 11/5/2022 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/3/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, có mặt.

Bị hại: Nông Văn Đ, sinh năm 1968. Địa chỉ: Xóm Đ - P, xã CT, huyện TK, tỉnh CB. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đàm Văn L, sinh năm 1987. Địa chỉ: Xóm Đ - P, xã CT, huyện TK, tỉnh CB. Có mặt.

Người làm chứng:

- Nông Công T1, sinh năm 1970. Địa chỉ: Xóm Đ - P, xã CT, huyện TK, tỉnh CB. Có mặt.
- Nông Thị B, sinh năm 1962. Địa chỉ: Xóm Đ - P, xã CT, huyện TK, tỉnh CB. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 00 ngày 08/3/2023, Nông Văn T, sinh năm 1999, trú tại Xóm Đ - P, xã CT, huyện TK, tỉnh CB lên cơn nghiện ma túy. Do không có tiền, Tùng nảy sinh ý định trộm cắp máy cày của bác ruột Nông Văn Đ, sinh năm 1968 đang gửi nhờ ở gầm sàn nhà bác ruột Nông Văn H cách nhà Tùng khoảng 06 m. Đến khoảng 11 giờ cùng ngày, quan sát thấy không có ai trông coi. Tùng đi vào gầm sàn nhà ông Hội kéo chiếc máy cày loại đầu nổ màu đỏ, máy và khung thân màu xanh, có 02 bánh bằng kim loại ra ngoài đi theo hướng ra Ủy ban nhân dân xã Cao Thăng để bán. Khi đi được khoảng 400m - 500m, do máy cày nặng nên Tùng tháo 02 bánh bằng kim loại mang đi bán trước. Sau khi tháo xong Tùng mang 02 bánh bằng kim loại bán cho Đàm Văn L, sinh năm 1987, là người cùng xóm được 168.000 đồng. Số tiền bán được Tùng đi mua ma túy về sử dụng hết.

Khoảng 12 giờ ngày 08/3/2023, sau khi phát hiện máy cày bị mất trộm, ông Nông Văn Đ đã đến Công an xã Cao Thăng trình báo, đến khoảng 14 giờ cùng ngày ông Đ tìm thấy máy cày của mình ở cạnh đường trong Xóm Đ - P, xã CT nhưng đã bị mất 02 bánh bằng kim loại.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã tạm giữ 01 máy cày gồm đầu nổ và hộp số với ông Nông Văn Đ; 02 bánh bằng kim loại nặng 21 kg với Đàm Văn L để phục vụ quá trình điều tra.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐGTS ngày 21/3/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Trùng Khánh kết luận: 01 máy cày (máy tám), nhãn hiệu đầu nổ R180 DIESEL ENGINE màu đỏ, khung và hộp số màu xanh, có hai bánh xe bằng kim loại gắn ở máy cày tại thời điểm ngày 08/3/2023 có giá trị 2.400.000 đồng.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nông Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình thực hiện như trên, nhưng do bị cáo nghiện ma túy cần tiền để phục vụ nhu cầu của bản thân nên mới thực hiện hành vi trộm cắp.

Bị hại Nông Văn Đ trình bày chiếc máy cày (máy tám), nhãn hiệu đầu nổ R180 DIESEL ENGINE màu đỏ, khung và hộp số màu xanh, có hai bánh xe bằng kim loại gắn ở máy cày thuộc quyền sở hữu của ông Đ. Quá trình điều tra, ngày 05/5/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh đã trả lại 01 máy

cày (gồm đầu nỏ, khung, hộp số và 02 bánh bằng kim loại) cho ông Đề, do đã nhận lại tài sản bị mất nên không yêu cầu bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự. Về hình phạt đối với bị cáo, ông Đề đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đàm Văn L trình bày, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 168.000 đồng và không có ý kiến gì thêm.

Người làm chứng Nông Công T1 trình bày, khoảng 11 giờ 30 phút ngày 08/3/2023 được chứng kiến bị cáo T kéo chiếc máy cày R180 DIESEL ENGINE màu đỏ đi theo hướng Xóm Đ - P ra ngoài đường cái và đi theo hướng UBND xã Cao Thăng.

Người làm chứng Nông Thị B vắng mặt tại phiên tòa, trình bày lời khai tại cơ quan điều tra, xác nhận khoảng 11 giờ 30 phút ngày 08/3/2023 được chứng kiến bị cáo T kéo chiếc máy cày R180 DIESEL ENGINE màu đỏ đi theo hướng Xóm Đ - P ra ngoài đường cái và đi theo hướng UBND xã Cao Thăng.

Bản cáo trạng số: 44/CT-VKSTK ngày 17/5/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo Nông Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo từ 12 (Mười hai) tháng đến 18 (Mười tám) tháng tù.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận với Bản luận tội của Kiểm sát viên.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đã biết hành vi của mình là sai trái pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt nhẹ nhất để bị cáo được sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về hành vi, quyết định tố tụng:* Điều tra viên Cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự,

thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với người làm chứng Nông Thị B vắng mặt tại phiên tòa, trước đó đã có lời khai tại Cơ quan điều tra về những vấn đề liên quan đến nội dung vụ án. Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại không ai đề nghị hoãn phiên tòa. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại khoản 1 Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] *Về tội danh và tình tiết định khung hình phạt:* Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như Bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với vật chứng vụ án đã thu giữ; Phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng; Bản ảnh; Biên bản xác định hiện trường; Sơ đồ hiện trường vụ án và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thu thập hợp pháp, qua đó có đủ cơ sở xác định: Để có tiền mua ma túy về sử dụng cho bản thân, ngày 08/3/2023 bị cáo Nông Văn T đã thực hiện hành vi trộm cắp chiếc máy cày (máy tằm), nhãn hiệu đầu nổ R180 DIESEL ENGINE màu đỏ, khung và hộp số màu xanh, có hai bánh xe bằng kim loại gắn ở máy cày của ông Nông Văn Đ có giá trị 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng). Hành vi của bị cáo đã đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng truy tố bị cáo là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] *Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội:* Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng nhưng được thực hiện với lỗi cố ý đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, có hiểu biết và nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vì để có tiền phục vụ cho nhu cầu của bản thân bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do vậy, cần cách ly bị cáo một thời gian để bị cáo sửa đổi, giáo dục bị cáo sau này trở thành công dân tốt, có ích cho xã hội.

[4] *Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:*

Bị cáo có nhân thân xấu, nghiện ma túy.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Tại phiên tòa bị hại Nông Văn Đ xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, ngày 23/8/2021 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh xử phạt 12 (mười hai) tháng tù về tội Trộm cắp tài sản quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, ngày 11/5/2022 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương. Ngày 08/3/2023 bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội Trộm cắp tài sản nên thuộc trường hợp tái phạm theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Bộ luật hình sự, do đó bị cáo phải chịu 01 (một) tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5] *Về hình phạt bổ sung*: Do bị cáo nghiện ma túy, không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[6] *Về trách nhiệm dân sự*: Tại phiên tòa, bị hại Nông Văn Đ xác nhận trong quá trình điều tra đã được Cơ quan điều tra trả lại tài sản bị mất, không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đàm Văn L không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 168.000 đồng đã bỏ ra để mua 02 bánh sắt bằng kim loại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về xử lý vật chứng*: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã xử lý vật chứng vụ án bằng hình thức trả lại 01 máy cày (gồm đầu nổ, khung, hộp số và 02 bánh bằng kim loại) cho bị hại Nông Văn Đ theo Biên bản về việc trả lại tài sản, đồ vật, tài liệu ngày 05/5/2023. Bị hại xác nhận đã nhận lại tài sản còn nguyên trạng như khi thu giữ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[10] Xét các đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Nông Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nông Văn T 15 (Mười năm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/3/2023.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho chủ sở hữu hợp pháp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bị cáo Nông Văn T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp vào ngân sách nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Trùng Khánh;
- Sở tư pháp;
- Công an huyện Trùng Khánh;
- Chi cục THADS huyện Trùng Khánh;
- UBND xã Cao Thắng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS THAHS;
- Lưu HS vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lý Thị Hoài